

THỰC TRẠNG THÍCH ỨNG TÂM LÝ VỚI TÁI HÒA NHẬP CỘNG ĐỒNG CỦA NGƯỜI CHẤP HÀNH XONG BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH ĐƯA VÀO TRƯỜNG GIÁO DƯỠNG

Phan Thị Định

Khoa Tâm lý, Học viện Cảnh sát Nhân dân.

TÓM TẮT

Bài viết là kết quả nghiên cứu về thực trạng thích ứng tâm lý với tái hòa nhập cộng đồng của người chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng. Sau khi từ trường giáo dưỡng trở về địa phương, người chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng cần phải chủ động thay đổi, hòa nhập để thích nghi với cộng đồng. Khảo sát đã được tiến hành trên 168 khách thể là người chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng và quay về địa phương ở một số tỉnh miền Bắc. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các em thích ứng tương đối tốt với tái hòa nhập cộng đồng nhưng sự thích ứng trong từng mặt cũng như giữa ba mặt nhận thức, thái độ, hành vi cũng như giữa các cá nhân chưa đồng đều.

Từ khóa: Tái hòa nhập cộng đồng; Người chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng; Thích ứng tâm lý.

Ngày nhận bài: 2/12/2020; Ngày duyệt đăng bài: 25/12/2020.

1. Đặt vấn đề

Trong những năm qua, tình trạng vi phạm pháp luật ở người chưa thành niên diễn biến khá phức tạp, có xu hướng ngày càng gia tăng. Theo thống kê của Cục Cảnh sát Quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc và trường giáo dưỡng (C10), trong năm 2018 tổng số người chưa thành niên vi phạm pháp luật phải thực hiện Quyết định xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng là 398 người; năm 2019 là 456 người. Hành vi vi phạm pháp luật mà người chưa thành niên thực hiện cũng ngày càng đa dạng: từ hiếp dâm, cướp tài sản, giết người đến trộm cắp tài sản (Tổng cục VIII, 2018, 2019). Lý giải nguyên nhân thực hiện hành vi vi phạm cũng có cả ngàn lý do, tuy nhiên chú ý nhất vẫn là yếu tố chủ quan - từ chính bản thân các em. Gặp những tình huống mới, xung

đột trong cuộc sống hay bị tổn thất các mối quan hệ xã hội tích cực, chưa có kỹ năng ứng xử các em dễ có xu hướng thực hiện hành vi lệch chuẩn. Vào trường giáo dưỡng, các em được học tập, rèn luyện để tiếp tục trang bị kiến thức và hình thành kỹ năng “sống”. Tuy nhiên thời gian chấp hành tại các trường giáo dưỡng với thời hạn nhiều nhất là 24 tháng cũng chỉ giúp các em định hình những ứng xử cần có trong cuộc sống. Hết thời hạn ở trường giáo dưỡng, về sống với gia đình và cộng đồng xã hội, các em phải chủ động thích ứng tâm lý với “cuộc sống mới”, không bỡ ngỡ và biết chấp nhận mọi thứ diễn ra như vốn có của nó.

Với mọi người trong xã hội, thay đổi môi trường sống đã khó khăn, đối với người chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng trở về tái hòa nhập cộng đồng lại càng khó khăn bởi vì đa phần các em đang ở lứa tuổi thanh thiếu niên. Đây là lứa tuổi có nhiều xáo trộn về mặt tâm lý, đang định hình nhân cách; lại là đối tượng đã thực hiện hành vi sai lệch chuẩn mực xã hội. Mặt khác, những người chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng khi trở về địa phương gặp rất nhiều khó khăn từ gia đình đến xã hội, từ tâm lý đến điều kiện kinh tế, từ vị thế đến vai trò xã hội, đòi hỏi các em phải chủ động thay đổi để hòa nhập với xã hội.

Thích ứng tâm lý là quá trình cá nhân chủ động, tích cực thay đổi, điều chỉnh bản thân để hòa nhập vào môi trường sống mới, khắc phục những khó khăn của sự thay đổi môi trường sống, thể hiện ở sự cân bằng và phù hợp về nhận thức, thái độ và hành động trong bối cảnh mới. Thích ứng có vai trò quan trọng trong cuộc sống, là khả năng và phương thức đặc thù để con người có thể tồn tại và phát triển trong xã hội luôn biến đổi và nhiều thách thức.

Trên thế giới và Việt Nam cho đến thời điểm này, có rất nhiều công trình, bài viết nghiên cứu về thích ứng ở các góc độ khác nhau. Tuy phong phú về đề tài và thể loại nhưng hầu như chưa có một công trình nào nghiên cứu về thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của người chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng. Liên quan đến chủ đề tái hòa nhập cộng đồng, có thể kể đến nghiên cứu của nhóm tác giả Marcus S., Jerome I., Katherine Salter, Laura Allen, Marina Richardson, Andreea Cotoi, Alice Iliescu, Breanne Carr, Robert Teasell (2018). Công trình đã chỉ rõ các hỗ trợ xã hội có lợi trong việc cải thiện tâm trạng, tương tác xã hội trong tái hòa nhập cộng đồng nhưng trên đối tượng bệnh nhân bị bệnh đột quy. Ở góc độ trật tự an toàn xã hội, có tài liệu về công tác tái hòa nhập cộng đồng và phòng ngừa tái phạm đối với tù nhân mãn hạn tù của tác giả Nathan James (2015) nhưng là trên đối tượng tù nhân ở mọi lứa tuổi. Ở Việt Nam, Vũ Văn Hòa (2013) đã nghiên cứu tái hòa nhập cộng đồng cho người chấp hành xong án phạt tù dưới góc độ quản lý nhà nước về an ninh trật tự.

Từ những lý do trên, tác giả tiến hành nghiên cứu này nhằm giúp một bộ phận công dân “tương lai” của đất nước khi trở về cư trú chủ động hơn trong quá trình tái hòa nhập cộng đồng của mình.

2. Mẫu và phương pháp nghiên cứu

2.1. Mẫu nghiên cứu

Bảng 1: Đặc điểm của khách thể nghiên cứu

Đặc điểm mẫu nghiên cứu		Số lượng	Tỷ lệ %
Giới tính	Nam	154	91,7
	Nữ	14	8,3
Quê quán	Thành thị	15	8,9
	Nông thôn	153	91,1
Thời gian về địa phương	Dưới 6 tháng	83	49,4
	6 - 12 tháng	31	18,5
	Trên 12 tháng	54	32,1
Thời gian chấp hành ở trường giáo dưỡng	6 tháng	1	0,6
	12 tháng	26	15,5
	18 tháng	58	34,5
	24 tháng	83	49,4
Số lần vào trường giáo dưỡng	1 lần	163	97,0
	2 lần	5	3,0
Kinh tế của gia đình	Dư dả	19	11,3
	Đủ ăn	123	73,2
	Khó khăn	26	15,5
Độ tuổi	Từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi	52	31,0
	Từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi	77	45,8
	Từ đủ 18 tuổi trở lên	39	23,2

Được sự giới thiệu của địa phương, chúng tôi đã gặp trực tiếp các em là những người đã chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng để trình bày mục đích của nghiên cứu và đề nghị các em hỗ trợ. Sau khi nhận được sự đồng ý tham gia nghiên cứu, chúng tôi phát phiếu hỏi và trực tiếp hướng dẫn các em cách trả lời. Các em tự điền câu trả lời của mình vào phiếu hỏi. Tuy nhiên, việc tiếp cận khách thể rất khó khăn. Nhiều em tự ti về quá khứ của mình, không thích giao tiếp với ai... nên không tham gia. Mặt khác, địa phương cư trú của các em nằm rải rác khắp các tỉnh thành trên cả

nước, mỗi quận, huyện chỉ có một vài em... Vì vậy, tác giả chỉ thu thập được thông tin từ 168 khách thể. Trong số này, chúng tôi đã phỏng vấn sâu 12 em. Đặc điểm khách thể được thể hiện trong bảng 1.

Như vậy, hầu hết thanh thiếu niên trong mẫu nghiên cứu là nam giới, sống ở nông thôn và mới vào trường giáo dục một lần và có thời gian chấp hành ở trường giáo dục từ 18 tháng trở lên. Sau khi chấp hành xong thời gian tại trường giáo dục, các em hầu hết ở độ tuổi từ đủ 16 tuổi trở lên.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng đồng bộ các phương pháp như nghiên cứu tài liệu, khảo sát bằng bảng hỏi, phỏng vấn sâu, trong đó khảo sát bằng bảng hỏi là phương pháp chủ yếu. Bảng hỏi được tác giả xây dựng dựa vào Quy định quản lý giáo dục đối tượng tại địa bàn cơ sở và trên cơ sở phát triển một số nội dung của thang đo Hành vi đối phó và thích ứng của phạm nhân (Coping behavior and adaptation in Prison inmates Scale) của nhóm tác giả Edward Zamble, Frank J. Porporino (1988) (dẫn theo Phạm Thị Thục Oanh, 2019).

Thích ứng tâm lý được đo ở 3 mặt nhận thức, thái độ, hành vi trong 4 lĩnh vực là học tập, lao động, quan hệ xã hội và sinh hoạt của khách thể nghiên cứu. Bên cạnh các câu hỏi thông tin cá nhân của khách thể nghiên cứu, bảng hỏi gồm thang đo về mức độ thích ứng tâm lý của người chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính và các yếu tố ảnh hưởng đến thích ứng tâm lý. Thang đo Thích ứng tâm lý của người chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính gồm 3 tiểu thang đo: thích ứng về nhận thức, thích ứng về thái độ và thích ứng về hành vi với số lượng mệnh đề (item) như sau:

Các tiểu thang đo và thang đo	Số item ban đầu	Số item sau khi kiểm tra độ tin cậy
Tiểu thang đo Thích ứng về nhận thức	20	15
Tiểu thang đo Thích ứng về thái độ	20	16
Tiểu thang đo Thích ứng về hành vi	24	19
Thang đo Thích ứng chung	64	50

Trong mỗi tiểu thang đo, bên cạnh những item thuận chiều, còn có các item nghịch đảo. Mỗi item có 5 phương án trả lời từ hoàn toàn sai đến hoàn toàn đúng. Các item thuận chiều được cho điểm theo mức 4, 3, 2, 1, 0 tương ứng với các phương án trả lời “Hoàn toàn đúng”, “Đúng nhiều hơn sai”, “Nửa đúng nửa sai”, “Sai nhiều hơn đúng”, “Hoàn toàn sai”. Các item nghịch đảo đều được đổi điểm trước khi tính điểm trung bình của tiểu thang đo và thang đo. Điểm trung bình càng cao, mức độ thích ứng càng lớn. Độ tin cậy của tiểu

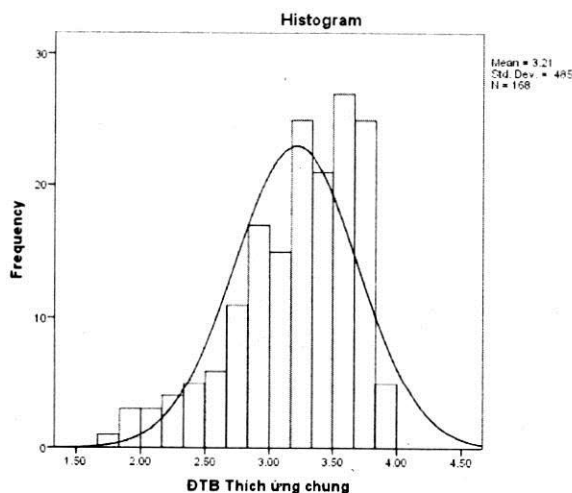
thang đo thích ứng về nhận thức là 0,75; của tiểu thang đo thích ứng về thái độ là 0,77; của tiểu thang đo thích ứng về hành vi là 0,87 và của toàn bộ thang đo thích ứng tâm lý là 0,91.

Phân phối điểm của cả thang đo và các tiểu thang đo tiệm cận phân phối chuẩn nên việc phân chia mức độ thích ứng tác giả dựa vào lý luận của Gauss (dẫn theo Phạm Thị Thục Oanh, 2019, tr. 187) để phân chia mức độ thích ứng như sau:

Mức độ thích ứng	Điểm trung bình của thang đo và các tiểu thang đo
Thấp	Từ 0 đến dưới “M - 1SD”
Trung bình	Từ “M - 1SD” đến dưới “M + 1SD”
Cao	Từ “M + 1SD” đến điểm cao nhất

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Đánh giá chung về thực trạng thích ứng tâm lý với tái hòa nhập cộng đồng của người chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng



Biểu đồ 1: Phân bố điểm thích ứng tâm lý với tái hòa nhập cộng đồng của người chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng

Phân bố điểm thích ứng tâm lý với tái hòa nhập cộng đồng của người chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng cho thấy điểm trung bình (M) = 3,21; trung vị (Median) = 3,31; điểm thấp nhất (Min) = 1,75; điểm cao nhất (Max) = 4,00; độ lệch chuẩn (SD) = 0,49; độ nghiêng (Skewness) = -0,86; độ dẹt (Kurtosis) = 0,29. Như vậy, phân phối điểm thích ứng tâm lý chung tiệm cận phân bố chuẩn, tuy nhiên điểm phân bố

tập trung ở cực phải, phía bên trái biểu đồ có độ thoải, nghiêng dốc ít hơn so với phía bên phải của biểu đồ và có độ nhọn rõ rệt; sự dao động của điểm trung bình khá rộng từ 1,75 đến 4,00 điểm.

Bảng 2: *Mức độ thích ứng tâm lý với tái hòa nhập cộng đồng của người chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng*

Thang đo/ Tiêu thang đo	Thấp (%)	Trung bình (%)	Cao (%)	Điểm thấp nhất	Điểm cao nhất	M	SD
Thích ứng chung	14,3	70,2	15,5	1,75	4,00	3,21	0,49
Thích ứng về nhận thức	13,3	79,1	7,6	1,60	4,00	3,36	0,50
Thích ứng về thái độ	15,5	66,7	17,9	1,75	4,00	3,15	0,54
Thích ứng về hành vi	20,2	60,7	19,0	0,63	4,00	3,13	0,64

Kết quả thu được cho thấy, điểm trung bình của toàn bộ thang đo Thích ứng tâm lý cũng như ba tiêu thang đo đều có điểm trung bình đạt hơn 3/4 điểm, trong đó thích ứng về nhận thức có điểm trung bình cao hơn thích ứng về thái độ và thích ứng về hành vi. Như vậy, sau khi trở lại địa phương, các thanh thiếu niên đã từng ở trường giáo dưỡng tỏ ra thích ứng tương đối tốt với tái hòa nhập cộng đồng; trong đó thích ứng về nhận thức của các em tốt hơn thích ứng về thái độ và hành vi. Tuy nhiên, so sánh trên chính mẫu chọn của nghiên cứu này thì phần lớn người chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng có mức thích ứng tâm lý ở mức trung bình (chiếm 70,2%), tỷ lệ này cao gấp hơn 4,5 lần so với tỷ lệ người thích ứng tâm lý ở mức cao và gấp 4,9 lần so với người thích ứng tâm lý ở mức thấp.

Khi so sánh theo các đặc điểm nhân khẩu, thích ứng chung của người chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê. Mặc dù vậy, tỷ lệ có mức thích ứng thấp ở nữ giới cao hơn tỷ lệ này ở nam giới, ngược lại tỷ lệ có mức thích ứng cao ở nam giới cao hơn ở nữ giới. Trong khi không có em nào ở thành thị có mức thích ứng thấp thì tỷ lệ các em ở nông thôn có mức thích ứng thấp là 16%; đồng thời tỷ lệ có mức thích ứng cao của các em sống ở thành thị cao hơn các em sống ở nông thôn (20% so với 15%). Các em càng có nhiều thời gian ở trại giáo dưỡng thì tỷ lệ thích ứng ở mức độ thấp càng cao. Các em sống trong gia đình có hoàn cảnh kinh tế càng khó khăn thì càng thích ứng thấp.

Mặc dù, thích ứng về nhận thức có điểm trung bình cao nhất, nhưng tỷ lệ người thích ứng về nhận thức ở mức cao khá thấp so với tỷ lệ người thích ứng cao về thái độ và hành vi. Mặc dù tỷ lệ người thích ứng về hành vi khá

cao, nhưng những người thích ứng về hành vi ở mức thấp cũng chiếm một tỷ lệ tương đương và chiếm tỷ lệ cao hơn người thích ứng thấp về thái độ và nhận thức. Điều này cho thấy có sự thích ứng chưa đồng đều trong từng mặt cũng như giữa các mặt.

Thích ứng tâm lý của người chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng thể hiện đầu tiên là phải chấp nhận và tiến tới tự giác thực hiện những hành vi tuân theo các chuẩn mực của địa phương nói riêng và của xã hội nói chung. Trong quá trình đó, sự giám sát của gia đình và các tổ chức xã hội sẽ giúp họ có điều kiện tự nhìn nhận lại bản thân và hành vi của mình một cách căn bản. Vì vậy, sau đây, chúng tôi phân tích kỹ hơn từng mặt của sự thích ứng tâm lý này.

3.2. Thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng ở người chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng về mặt nhận thức

Việc chấp nhận thực hiện các nội quy cụ thể trong các hoạt động hàng ngày khi sinh sống tại địa phương như khi tham gia hoạt động học tập và hoạt động lao động, quan hệ xã hội, các sinh hoạt cá nhân... Kết quả phân tích số liệu cho thấy, nhận thức về lao động đạt điểm trung bình cao nhất ($M = 3,54$); tiếp đến là nhận thức về học tập ($M = 3,35$) và sau cùng là nhận thức về sinh hoạt và về quan hệ xã hội ($M = 3,29$ và $M = 3,28$). Điều này cho thấy, người chưa thành niên đã từng thực hiện hành vi vi phạm pháp luật chưa nhận thức đồng đều về tất cả các khía cạnh. Dường như vấn đề sinh hoạt và quan hệ xã hội vẫn còn nhiều trở ngại đối với các em. Có thể dẫn lời chia sẻ của một người chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng về điều này như sau: “*Cháu về nhà ở mà nhiều lúc cháu có cảm giác đây chưa phải là nhà của cháu. Mọi thứ đều xa lạ đối với cháu. Từ quan hệ với mọi người trong gia đình cháu cũng thấy bỡ ngỡ, mọi nếp sinh hoạt cũng xa lạ như kiểu lệch múi giờ, mệt mỏi và căng thẳng như chuẩn bị có một trận bão. Cái gì cũng có mà như kiểu lúc nào cũng thiếu thốn và cái gì cũng thèm được như khi xưa*” (N.T.Y., 19 tuổi, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh).

Trong các biểu hiện cụ thể của nhận thức thì nhận thức về lợi ích của lao động, học tập và việc tham gia hoạt động với mọi người là tốt nhất (đạt điểm trung bình cao nhất, từ 3,69 trở lên). Phần lớn các em đều hiểu rằng lao động giúp các em hiểu về cuộc sống, lao động giúp rèn luyện sức khỏe và sự kiên trì; học tập giúp các em có được kiến thức và cơ hội làm việc; tham gia các hoạt động với mọi người là cách tốt nhất để hòa nhập. Chia sẻ của một số em tham gia phỏng vấn sâu đã khẳng định điều này: “*Lao động đầy đủ và có hiệu quả giúp mọi người nhìn nhận chúng cháu theo hướng thiện cảm hơn, chúng cháu có điều kiện để chứng minh với mọi người về sự hướng thiện của chúng cháu. Hơn nữa, vì là thay đổi môi trường sống nên chúng cháu cũng chưa có*

được nhiều các quan hệ xã hội ở địa phương nên lao động giúp thời gian trôi nhanh hơn với chúng cháu mà chúng cháu cũng khuấy khoả đầu óc, bớt thời gian lo nghĩ về gia đình và những việc khác” (T.T.H., 21 tuổi, Hai Bà Trưng, Hà Nội). Một số khác cho rằng: “May có việc làm sớm chứ nếu không có việc làm thì cũng chẳng biết làm gì” (N.H.V., 18 tuổi, thành phố Tam Điệp, Ninh Bình).

Bảng 3: *Thực trạng thích ứng về nhận thức*

Nội dung	M	SD
<i>Nhận thức về học tập</i>	3,35	1,09
Tôi thấy việc học tập pháp luật là cần thiết*.	3,48	1,15
Tôi thấy nội dung học tập giáo dục công dân, đạo đức cũng lý thú*.	3,20	1,26
Tôi thấy bắt buộc học tập văn hóa không quá khó khăn đối với tôi*.	2,75	1,44
Học tập giúp tôi có được kiến thức và có cơ hội việc làm.	3,70	0,82
Tôi thấy mình cần phải học để bổ sung kiến thức.	3,61	0,78
<i>Nhận thức về lao động</i>	3,54	0,87
Lao động giúp tôi rèn luyện sức khỏe và sự kiên trì.	3,70	0,72
Lao động giúp tôi hiểu hơn về cuộc sống.	3,73	0,70
Tôi thấy lao động có ích đối với bản thân tôi*.	3,20	1,18
<i>Nhận thức về quan hệ xã hội</i>	3,28	1,14
Để có bạn bè mới, tôi cần phải chủ động làm quen và thiết lập quan hệ.	3,13	1,22
Tôi biết rằng cần phải có thời gian để hàng xóm chấp nhận.	3,23	1,19
Tôi cần thể hiện sự quan tâm đến các thành viên trong gia đình.	3,48	1,02
<i>Nhận thức về sinh hoạt</i>	3,29	0,91
Tham gia các hoạt động với mọi người là cách tốt nhất để tôi hòa nhập.	3,69	0,76
Làm các việc (đi ngủ, xem tivi...) theo quy định là cần thiết.	3,39	1,06
Tôi cần phải cố gắng tham gia các hoạt động tại địa phương.	3,10	1,22
Tôi thấy mọi người xung quanh chấp hành tốt các quy định của địa phương.	2,96	1,05

Ghi chú: *: Item nghịch đảo đã được quy đổi điểm và thay đổi diễn đạt cho phù hợp.

Vấn đề khó khăn nhất với các em là việc bắt buộc học văn hóa. Mặt khác, độ lệch chuẩn của các biểu hiện nhận thức khá cao, phần lớn đều lớn hơn 1. Kết quả này cho thấy, người chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng có sự thích ứng không đồng đều về mặt nhận thức. Trong khi một số em nhận thức rất tốt về học tập, lao động, quan hệ xã hội và sinh hoạt thì một số em chưa có nhận thức tốt về những vấn đề này.

Như vậy, mặc dù nhiều em đã nhận thức được việc cần chấp nhận tuân theo các chuẩn mực xã hội khi về địa phương nhưng vẫn còn một bộ phận thanh thiếu niên chưa thực sự thay đổi nhiều về nhận thức.

3.2. Thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của người chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng về mặt thái độ

Mặc dù nhận thức về sinh hoạt không cao song thái độ trong sinh hoạt của người chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng lại cao nhất, tiếp đến là thái độ đối với lao động; cuối cùng là thái độ đối với quan hệ xã hội và học tập. Tương tự thích ứng về mặt nhận thức, phần lớn các biểu hiện thích ứng về thái độ đều có sự phân tán ý kiến. Trong khi nhiều em tỏ ra phấn khởi, vui vẻ thì một số em vẫn cảm thấy buồn chán, khó chịu trong học tập, lao động, quan hệ xã hội cũng như sinh hoạt.

Bảng 4: Thực trạng thích ứng thái độ

Nội dung	M	SD
<i>Thái độ trong học tập</i>	2,94	1,26
Tôi thích thú khi được học tập*.	2,77	1,34
Tôi không cảm thấy buồn chán khi học pháp luật*.	3,06	1,28
Việc học nghề làm tôi thấy dễ chịu.	3,36	1,04
Tôi thích được học lại từ đầu.	2,55	1,35
<i>Thái độ trong lao động</i>	3,22	1,14
Tôi muốn lao động để mình có ích cho xã hội*.	3,25	1,20
Tôi không cảm thấy khó chịu khi bị nhắc nhở trong quá trình lao động*.	2,72	1,37
Tôi thấy vui khi tự mình làm ra sản phẩm mới.	3,68	0,85
<i>Thái độ trong quan hệ xã hội</i>	3,00	1,10
Tôi khá hài lòng với các bạn của tôi.	2,92	1,13
Tôi không thấy khó chịu về sự dò xét của mọi người xung quanh.	2,24	1,40
Tôi thấy thoải mái với mọi người trong gia đình.	3,62	0,87
Mọi người đối xử tốt với tôi.	3,23	1,00
<i>Thái độ trong sinh hoạt</i>	3,39	0,97
Sinh hoạt chung với mọi người trong cộng đồng tôi thấy cũng ổn.	2,98	1,14
Tôi dần quen với quy định về giờ giấc sinh hoạt (đi ngủ, xem tivi...).	3,61	0,76
Tôi thấy yên tâm khi làm việc theo thời gian biểu.	3,47	0,98
Tôi thấy hài lòng vì đã làm theo được quy định của địa phương.	3,35	0,96
Tôi thấy khá ổn với cuộc sống hiện tại.	3,52	0,99

*Ghi chú: *: Item nghịch đảo đã được quy đổi điểm và thay đổi diễn đạt cho phù hợp.*

Nhiều em cảm thấy vui khi tự mình làm ra sản phẩm mới, cảm thấy thoải mái với mọi người trong gia đình, dần quen với các quy định về giờ giấc sinh hoạt. Để làm rõ hơn cho kết quả nghiên cứu này, chúng tôi được sự chia sẻ như sau: “*Một giọt máu đào hơn ao nước lã cô ạ, cháu chỉ thích được ở bên người thân nhất là mẹ cháu. Chỉ khi bị vấp vấp như thế này mới cảm nhận được mọi người trong nhà tốt với cháu thật. Ngoài xã hội mỗi người một tính cách mà như chúng cháu thì khó được xã hội chấp nhận và cảm thông như trong nhà, nên khi hệ xảy ra việc gì mà không tốt thì mọi người dễ dàng nghĩ đến cháu...*” (N.N.L., 18 tuổi, Hoàn Kiếm, Hà Nội). Hay “*Mọi thứ quá thật ban đầu là khó khăn lắm để theo được sinh hoạt của mọi người ở đây. Song những lúc như thế cháu lại phải tự nhủ mình không còn ít tuổi để bắt đầu lại nữa...*” (P.V.K., 17 tuổi, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn).

Tuy nhiên, một bộ phận thanh thiếu niên vẫn khó chịu với sự dò xét của mọi người cũng như không thích phải học lại từ đầu. Những mệnh đề thể hiện thái độ này, sau khi đã đổi điểm đều nhận được điểm trung bình thấp nhất ($M = 2,24$ và $M = 2,55$). Điều này phản ánh thái độ chưa tích cực, thoải mái khi thực hiện hoạt động học tập, cũng như trong quan hệ với mọi người xung quanh. Cảm thấy áp lực, buồn chán, mệt mỏi là biểu hiện tâm lý thường thấy nhiều nhất trong tâm lý của người chưa thành niên vi phạm pháp luật. Hiện nay, công tác tổ chức tái hòa nhập cộng đồng cho người chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng ở một số địa phương đã bắt đầu chú trọng vào việc dạy văn hóa và giáo dục kiến thức xã hội nói chung, tuy nhiên công tác này chưa thực sự đạt hiệu quả như mong đợi của xã hội. Về tổ chức hoạt động giáo dục kiến thức xã hội cho các đối tượng là tù tha về, tác giả Vũ Văn Hòa (2013) cho rằng các địa phương hiện nay tổ chức cho các đối tượng chấp hành xong án phạt tù về địa phương học tập chỉ dừng lại ở một số nội dung hạn chế, chưa cụ thể và chưa đi vào chiều sâu (tr. 112).

Thực trạng này bắt nguồn một phần từ thái độ của những người xung quanh đối với đối tượng là người chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng. Qua trao đổi với một số người dân tại địa phương có người chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, nhóm tác giả nghiên cứu cũng nhận thấy điều này. “... *Bọn này tin sao được cô, chúng nó lại ngựa quen đường cũ mà...*” (V.H.H., Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc); “*Bố mẹ chúng nó còn chẳng giáo dục được nữa là ra xã hội, cứ để pháp luật trừng trị*” (B.K.L., Ưông Bí, tỉnh Quảng Ninh); “*Đứa nào nó nghe thì nghe từ đâu không để ra nông nổi này, không dạy được đâu*” (N.N.L., Hoàn Kiếm, Hà Nội).

Có thể nói rằng, một bộ phận người chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng chỉ chấp nhận và thay đổi thái độ ở

mức độ thấp; các em không hoàn toàn thoải mái, cân bằng khi thực hiện các yêu cầu hay quy định của địa phương.

3.3. Thích ứng với tái hòa nhập cộng đồng của người chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng về mặt hành vi

Trong ba mặt thì thích ứng về mặt hành vi có dải điểm rộng nhất với điểm thấp nhất là 0,63 và điểm cao nhất là 4,00. Độ lệch chuẩn của các biểu hiện thích ứng về hành vi cũng rất cao; hầu hết các biểu hiện có độ lệch chuẩn lớn hơn 1. Các con số này cho thấy thích ứng về hành vi cũng không có sự đồng đều giữa các cá nhân.

Bảng 5: Thực trạng thích ứng hành vi

Nội dung	M	SD
<i>Hành vi học tập</i>	3,04	1,12
Tôi tích cực tham gia hoạt động học tập.	3,15	1,12
Tôi thường xuyên trao đổi với giáo viên về nội dung học tập.	2,70	1,32
Tôi tham gia đầy đủ các buổi học nghề.	3,20	1,14
Tôi tham gia đầy đủ các buổi học văn hóa.	3,13	1,29
Tôi hay trao đổi với mọi người về nội dung học được.	3,04	1,19
<i>Hành vi lao động</i>	3,23	1,10
Tôi tham gia đầy đủ ngày công lao động.	3,35	1,04
Tôi hoàn thành định mức lao động.	3,36	0,98
Tôi thành thạo các thao tác lao động.	3,27	1,08
Thỉnh thoảng tôi mới bị sức ì hoặc không chủ động khi lao động.	2,95	1,28
<i>Hành vi trong quan hệ xã hội</i>	3,06	1,21
Tôi gặp và trò chuyện với hàng xóm một cách bình thường.	2,90	1,36
Tôi giữ quan hệ tốt với nhiều người.	3,01	1,17
Mọi người giúp đỡ tôi nhiệt tình.	3,02	1,19
Tôi ứng xử với mọi người trong gia đình bình thường.	3,48	0,99
Tôi hay giúp đỡ mọi người xung quanh.	2,90	1,13
<i>Hành vi trong sinh hoạt</i>	3,20	1,16
Tôi thực hiện tốt các quy định của địa phương.	3,05	1,24
Tôi nhanh chóng hòa nhập với sinh hoạt tại địa phương.	3,27	1,09
Tôi luôn cố gắng thực hiện một số yêu cầu cao trong sinh hoạt.	3,50	0,85
Tôi luôn cố gắng ngủ dậy sớm đúng giờ.	3,13	1,31
Tôi sinh hoạt theo mọi người trong gia đình.	3,04	1,31

Ghi chú: Những item nghịch đảo đã được quy đổi điểm và thay đổi diễn đạt cho phù hợp.

Tuy nhiên, mức độ thích ứng về hành vi của các biểu hiện tương đối đồng đều. Một số hành vi có điểm trung bình thấp hơn các hành vi khác một chút là trao đổi với giáo viên về nội dung học tập, không chủ động hay sáng tạo khi lao động, ai bảo gì thì làm nấy, gặp và trò chuyện với hàng xóm một cách bình thường, hay giúp đỡ mọi người xung quanh. Một số hành vi có điểm trung bình cao hơn cả là thực hiện một số yêu cầu cao trong sinh hoạt, đối xử bình thường với mọi người trong gia đình.

Thích ứng về mặt sinh hoạt và lao động cao hơn thích ứng về học tập và quan hệ xã hội. Mặc dù vậy, thực tế quan sát cách thức sinh hoạt, lao động của người chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng trong quá trình tham gia lao động cho thấy, một số em luôn lợi dụng những sơ hở của quy trình, cách thức quản lý của người quản lý để vi phạm những lỗi nhỏ, lao động một cách bị động, chứ không chủ động, kết quả lao động chưa đạt hiệu quả. Có thể thấy, những hành vi lao động dễ dàng bị giám sát đều được phần lớn người chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng tuân thủ, thực hiện tốt theo yêu cầu của lao động, còn những gì không hoặc khó có thể giám sát được chặt chẽ thì đa số các em làm việc theo kiểu cầm chừng.

Đây có thể coi là những hành vi mang tính ứng phó với việc các em luôn nhìn nhận bị mọi người xa lánh, phản ứng với những khó khăn trong quá trình thiết lập các mối quan hệ và sinh hoạt theo nề nếp ở gia đình và địa phương. Xét về khía cạnh cân bằng tâm lý thì những hành vi ứng phó giúp cho người chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng phần nào cảm thấy đã tự trấn an được tâm lý của mình nhưng không phải tất cả hành vi ứng phó đều được cho là phù hợp với quy định của địa phương cũng như phù hợp với yêu cầu của pháp luật.

Đồng chí phó chủ tịch một phường ở quận Hoàn Kiếm (Hà Nội) trao đổi với nhóm nghiên cứu những băn khoăn của mình khi thấy có sự khác biệt về nhận thức, thái độ và hành vi trong thích ứng tâm lý của người chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng với việc thực hiện các quy định của địa phương trong sinh hoạt tại địa phương như sau: *“Quản lý, giáo dục cho người chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng tái hòa nhập cộng đồng là công việc đặc biệt. Bởi mình với tư cách là cán bộ quản lý, chỉ đạo trực tiếp anh em làm việc này phải luôn thật nhân văn, gần gũi, tôn trọng họ nhưng mặt khác cũng phải nghiêm túc quản trị và chấp hành các nguyên tắc đảm bảo họ tin tưởng và nhận thức được mục đích của xã hội. Họ là những người được theo dõi để uốn nắn nên luôn có xu hướng bằng cách nào đó hạn chế tối đa những sự ảnh hưởng, chi phối của những người quan tâm đến họ”*.

Một chị là Chi hội trưởng Chi hội Phụ nữ (45 tuổi, Gia Lâm, Hà Nội) - người trực tiếp gặp gỡ và giáo dục đối tượng là người chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng - cho hay: *“Nói theo quan điểm triết học thì bản chất công tác giáo dục, quản lý người chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng tái hòa nhập cộng đồng có thể coi như biểu hiện của đấu tranh giai cấp. Bởi người làm công tác quản lý thông qua kỹ năng, nghiệp vụ, trình độ, tâm huyết và năng lực công tác của bản thân thực hiện nhiệm vụ quản lý, giáo dục những người đã có lỗi trở về tái hòa nhập cộng đồng quy định một cách nghiêm túc, chặt chẽ nhưng cũng đảm bảo tính nhân văn, tình người. Nhưng mặt khác, người chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng là đối tượng bị quản lý, giáo dục với tâm thế và vị thế của mình, luôn bằng cách này hay cách khác những hiện tượng tâm lý tiêu cực trởi dậy thúc đẩy họ vi phạm nội quy, quy chế, thậm chí có trường hợp tái phạm”*.

4. Kết luận

Nhìn chung, theo tự báo cáo của những người chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng thì các em có sự thích ứng tâm lý tương đối tốt với tái hòa nhập cộng đồng. Trong các thành phần của sự thích ứng thì thích ứng về nhận thức cao hơn về thái độ và hành vi. Tuy nhiên, sự thích ứng chưa đồng đều trong từng mặt cũng như giữa ba mặt nhận thức, thái độ và hành vi, cũng như giữa các cá nhân. Để giúp người chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, chúng ta phải tác động đồng thời cả ba mặt nhận thức, thái độ và hành vi chứ không được coi trọng hay xem nhẹ mặt nào vì đây là ba mặt trong đời sống tâm lý tạo nên sự thích ứng cho người chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng. Ngoài ra, cần phải phân nhóm đối tượng để có thể giúp đỡ các em hiệu quả hơn.

Sự khác biệt về mức độ thích ứng tâm lý giữa các nhóm người chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng chưa có ý nghĩa thống kê có thể do số lượng một số nhóm (nhóm nữ, nhóm sống ở thành thị...) chưa đủ lớn để so sánh. Vì vậy, sự khác biệt trong thích ứng của từng nhóm thanh thiếu niên này cần tiếp tục được kiểm tra trên các mẫu nghiên cứu lớn hơn trong các nghiên cứu tiếp theo.

Tài liệu tham khảo

Tài liệu tiếng Việt

1. Bộ Công an (2012). *Thông tư số 71/2012/TT-BCA, ngày 27 tháng 11 năm 2012, phân công trách nhiệm quan hệ phối hợp giữa công an nhân dân trong việc thực hiện công tác tái hòa nhập cộng đồng.*

2. Chính phủ. *Nghị định 49/2020/NĐ-CP*, ngày 17 tháng 4 năm 2020, hướng dẫn Luật thi hành án hình sự về tái hòa nhập cộng đồng.
3. Vũ Dũng (2008). *Từ điển Tâm lý học*. NXB Từ điển Bách khoa. Hà Nội.
4. Vũ Dũng (2011). *Tâm lý học xã hội: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*. NXB Từ điển Bách khoa. Hà Nội.
5. Nguyễn Văn Đài (2013). *Giáo trình Quản lý giáo dục đối tượng tại địa bàn cơ sở*. Học viện Cảnh sát Nhân dân.
6. Phan Thị Định (2020). *Nghiên cứu đặc điểm tâm lý của người chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng góp phần nâng cao công tác tái hòa nhập cộng đồng*. Tạp chí Khoa học và Giáo dục Cảnh sát Nhân dân. Số 4. Tr. 27 - 31.
7. Chu Văn Đức (2006). *Sự thích ứng của phạm nhân với chế độ sinh hoạt và chế độ lao động tại trại giam*. Luận án Tiến sĩ Tâm lý học. Hà Nội.
8. Đường Minh Giới, Phan Xuân Sơn (2017). *Lý luận cơ bản về quản lý và giáo dục cải tạo phạm nhân ở Việt Nam*. Tập 2. NXB Công an Nhân dân. Hà Nội.
9. Vũ Văn Hòa (2013). *Tổ chức tái hòa nhập cho người chấp hành xong án phạt tù*. Học viện Cảnh sát Nhân dân. Hà Nội.
10. Vũ Văn Hòa (2014). *Giáo trình giáo dục phạm nhân*. NXB Học viện Cảnh sát Nhân dân. Hà Nội.
11. Nguyễn Hồi Loan, Đặng Thanh Nga (2004). *Tâm lý học pháp lý*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
12. Phan Trọng Ngọc (2003). *Các lý thuyết phát triển tâm lý người*. NXB Đại học Sư Phạm. Hà Nội.
13. Phạm Thị Thục Oanh (2019). *Thích ứng tâm lý của phạm nhân nữ với chấp hành án phạt tù có thời hạn tại trại giam*. Luận án Tiến sĩ. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
14. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2010). *Luật Thi hành án hình sự 2010*.
15. Vũ Hiền Thu (2016). *Quản lý, giáo dục đối tượng chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính về địa bàn cơ sở*. Học viện Cảnh sát nhân dân. Hà Nội.
16. Tổng cục VIII, Bộ Công an. *Sơ kết công tác thi hành án hình sự và Hỗ trợ tư pháp 2 năm 2018 và 2019*.

Tài liệu tiếng Anh

17. Anumonye A. (1970). *African Student in Ailen Cultures*. London.
18. Nathan James (2015). *Is Violent crime in the United States in creasing?*. Congressional Research Service. P. 1 - 6.
19. A. Muecke, S. Lenthall, M. Lindeman (2011). *Culture shock and healthcare workers in remote Indigenous communities of Australia: what do we know and how can we measure it?*. Centre for Remote Health, Flinders University and Charles Darwin University, Alice Springs, Northern Territory. Australia.
20. Marcus Saikaley, Jerome Iruthayarajah, Katherine Salter, Laura Allen, Marina Richardson, Andreea Cotoi, Alice Iliescu, Breanne Carr, Robert Teasell (2018). *Chapter 19: Community Reintegration*. Evidence Review. Canadian Partnership for Stork Recovery, Heart & Storke Foundation.

TỔNG MỤC LỤC - TẠP CHÍ TÂM LÝ HỌC

[Từ số 1 đến số 12 năm 2020 (20)]

<i>Chúc mừng năm mới</i>				
TT	Mục bài	Tác giả	Số TC	Trang
1	Sự biến đổi khả năng thích ứng của sinh viên Việt Nam theo các nhóm định hướng giá trị - ý nghĩa	Hồ Võ Quế Chi - Kudinov Sergey Ivanovich	1 - 20	3
2	Lý thuyết bản sắc xã hội về đám đông, hành động tập thể: Nội dung cơ bản và phương pháp tiếp cận nghiên cứu	Nguyễn Văn Lược - Trịnh Thị Linh - Nguyễn Huy Hoàng	1 - 20	17
3	Hiệu trưởng các trường phổ thông lãnh đạo chuyên môn như thế nào để thúc đẩy giáo viên học tập phát triển nghề nghiệp? - Đánh giá từ giáo viên	Đinh Thị Hồng Vân - Nguyễn Thị Quỳnh Anh, Trương Đình Thăng - Phan Thị Mai Hương	1 - 20	34
4	Tự chăm sóc sức khỏe của phụ nữ tuổi trung niên	Lương Bích Thủy	1 - 20	49
5	Gắn kết gia đình và hài lòng với cuộc sống của thanh thiếu niên	Đào Lan Hương	1 - 20	62
6	Bảng chứng về độ tin cậy và độ hiệu lực của trắc nghiệm trí thông minh WISC-V trên học sinh tại Hà Nội	Công Thị Hằng	1 - 20	76
7	TỔNG MỤC LỤC TẠP CHÍ TÂM LÝ HỌC NĂM 2019		1 - 20	90
8	TÓM TẮT BÀI (TIẾNG ANH)		1 - 20	98
9	Tư duy phê phán - Khái niệm, cấu trúc và thao tác	Phan Trọng Ngộ - Nguyễn Thị Hằng	2 - 20	3
10	Những cân nhắc đạo đức nghề liên quan đến việc áp dụng thực hành dựa trên bằng chứng trong tâm lý trị liệu	Nguyễn Thị Minh Hằng	2 - 20	18

11	Mối tương quan giữa ứng phó với bạo lực học đường và “chỗ dựa bạn bè” của học sinh trung học cơ sở	Nguyễn Thị Hoa - Nguyễn Văn Tường	2 - 20	30
12	Ứng dụng chơi trị liệu lấy trẻ làm trung tâm trên trẻ mầm non có rối loạn tăng động giảm chú ý ở thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Thị Vân Thanh	2 - 20	43
13	Đánh giá hiệu quả của sự khích lệ trong công việc đến người trẻ	Phạm Minh Thu	2 - 20	59
14	Tổng quan nghiên cứu về bản sắc dân tộc trong hoạt động kinh tế và kinh nghiệm phát triển bền vững	Mai Văn Hải	2 - 20	70
15	Ứng phó với quấy rối tình dục của nữ sinh viên các trường đại học tại thành phố Đà Nẵng	Lê Thị Lâm	2 - 20	81
16	TÓM TẮT BÀI (TIẾNG ANH)		2 - 20	98
17	Bản sắc con người Tây Nam Bộ - nhận diện và nội hàm của bản sắc từ góc nhìn của người dân miền Tây	Phan Thị Mai Hương - Lã Thị Thu Thủy	3 - 20	3
18	Tri thức trong học tập của học sinh phổ thông	Phan Trọng Ngọc - Lê Minh Nguyệt	3 - 20	25
19	Mối quan hệ giữa lãnh đạo chuyên môn của hiệu trưởng và học tập phát triển nghề nghiệp của giáo viên phổ thông	Đỗ Thị Lệ Hằng - Trần Hải Ngọc - Trương Đình Thăng	3 - 20	41
20	Mối liên hệ giữa lòng tự trách ảm và stress ở sinh viên	Bùi Thị Hồng Thái - Phạm Hạnh Dung - Trần Công Thành - Hà Thanh Hiền	3 - 20	57
21	Đổi mới quản trị trường phổ thông hướng tới mô hình tự chủ: Kinh nghiệm quốc tế và hàm ý cho Việt Nam	Nguyễn Thị Hương	3 - 20	69
22	Tổn thương tâm lý ở phụ nữ hiếm muộn con qua phân tích trường hợp	Trương Quang Lâm	3 - 20	83
23	TÓM TẮT BÀI (TIẾNG ANH)		3 - 20	98

24	Sự tương đồng và khác biệt trong nhận diện bản sắc con người Tây Nam Bộ của cư dân Tây Nam Bộ	Lã Thị Thu Thủy - Phan Thị Mai Hương	4 - 20	3
25	Từ giá trị sống và kỹ năng sống của học sinh trung học cơ sở bàn về giáo dục giá trị sống - kỹ năng sống ở trường học	Trần Thị Lệ Thu - Phan Thị Mai Hương - Nguyễn Thị Nhân Ái - Trần Thị Cẩm Tú - Phạm Thị Diệu Thúy	4 - 20	23
26	Mức độ thể hiện quyền lực của người lãnh đạo, quản lý cấp phòng trong bộ máy chính quyền cấp tỉnh - qua khảo sát tại Nam Định, Yên Bái và Quảng Ninh	Nguyễn Thanh Giang - Nguyễn Trung Thành	4 - 20	41
27	Vai trò của năng lực cảm xúc - xã hội đối với sức khỏe tâm thần - góc nhìn mới từ nghiên cứu trên nhóm trẻ vị thành niên	Nguyễn Phước Cát Tường - Đinh Thị Hồng Vân - Trần Thị Tú Anh - Đậu Minh Long	4 - 20	58
28	Thích ứng thang đo Cô đơn UCLA phiên bản 3 trên nhóm khách thể du học sinh Việt Nam tại Moskva, Liên bang Nga	Đoàn Văn Lộc	4 - 20	71
29	Thực trạng stress ở cha mẹ của trẻ có rối loạn phổ tự kỷ	Nguyễn Thị Mai Hương	4 - 20	83
30	TÓM TẮT BÀI (TIẾNG ANH)		4 - 20	98
31	Trí tuệ xã hội - cách tiếp cận, khái niệm và cấu trúc	Phan Trọng Ngọc - Lê Minh Nguyệt	5 - 20	3
32	Kỹ năng chia sẻ của cha mẹ trong giao tiếp với con ở tuổi thiếu niên	Trần Quốc Thành	5 - 20	15
33	Đổi mới bồi dưỡng năng lực dạy học cho giáo viên đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông tổng thể hiện nay	Từ Đức Văn	5 - 20	26
34	Thích nghi tiêu thang đo Chỉ số nguy cơ bạo lực trong thang đo Tổng quát hành vi Connors - bản dành cho cha mẹ (CBRS-P)	Nguyễn Thị Nhân Ái - Phạm Thị Diệu Thúy	5 - 20	37

35	Thích nghi Bảng hỏi hành vi gây hấn công cụ và gây hấn phản ứng trên mẫu học sinh Việt Nam	Bùi Thị Thu Huyền - Trần Thị Lệ Thu	5 - 20	50
36	Thực nghiệm tác động nâng cao kỹ năng nói tiếng mẹ đẻ cho trẻ mẫu giáo	Nguyễn Thị Hải Thiện	5 - 20	63
37	Thực trạng hình thức tổ chức giáo dục giá trị sống cho sinh viên sư phạm	Trần Thị Cẩm Tú	5 - 20	76
38	Hành vi lệch chuẩn của học sinh trung học cơ sở hiện nay	Vũ Thị Ngọc Tú	5 - 20	88
39	TÓM TẮT BÀI (TIẾNG ANH)		5 - 20	98
40	Bản về khái niệm bản sắc con người	Phan Thị Mai Hương - Lã Thị Thu Thủy	6 - 20	3
41	Phẩm chất ham học hỏi trong công việc của người Tây Nam Bộ	Nguyễn Thị Hoa	6 - 20	18
42	Các yếu tố trường học gây ra cảm xúc buồn bã ở học sinh trung học cơ sở: mối liên quan với giới tính và khối lớp	Đỗ Thị Lệ Hằng - Đinh Thị Hồng Vân	6 - 20	31
43	Hạnh phúc của thanh thiếu niên: một nghiên cứu đa tiếp cận	Đào Lan Hương - Nguyễn Thị Minh Hằng - Mai Thị Thúy Hào	6 - 20	43
44	Sự chú ý đối với nhãn hiệu nước uống của người tiêu dùng - một nghiên cứu thử nghiệm trên máy Eye - tracker	Nguyễn Bá Đạt - Hà Thị Thu Hà	6 - 20	56
45	Tình hình việc làm và thích ứng công việc của sinh viên đại học tiểu học khóa 1 Trường Đại học Tân Trào sau khi tốt nghiệp	Hà Mỹ Hạnh	6 - 20	73
46	Hành vi gây hấn của học sinh trung học cơ sở	Nguyễn Thị Anh Thư - Nguyễn Thị Hồng Vân - Bùi Minh Đức - Đỗ Kim Ngọc	6 - 20	85
47	TÓM TẮT BÀI (TIẾNG ANH)		6 - 20	98

48	Thái độ xã hội trong giao tiếp của học sinh trung học cơ sở Việt Nam	Phan Trọng Ngọ	7 - 20	3
49	Mối quan hệ giữa hành vi ủng hộ môi trường và cảm nhận hạnh phúc của thanh niên	Nguyễn Tuấn Anh	7 - 20	18
50	Hành vi gây hấn công cụ và gây hấn phản ứng của học sinh trung học cơ sở ở Việt Nam	Bùi Thị Thu Huyền	7 - 20	30
51	Khó khăn tâm lý của học sinh trung học cơ sở: nghiên cứu trường hợp tại thành phố Móng Cái và thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	Trương Quang Lâm - Đình Quốc Vương - Lương Bích Thủy	7 - 20	44
52	Tự đánh giá năng lực học tập của học sinh trung học cơ sở - so sánh giữa các nhóm theo một số biến độc lập	Nguyễn Thị Hằng	7 - 20	58
53	Khả năng vượt khó của sinh viên Việt Nam và một số yếu tố liên quan	Nông Thị Hồng Linh - Hà Quỳnh Trang - Phùng Thị Dung - Vũ Thị Mỹ Linh - Đào Thị Diệu Linh	7 - 20	69
54	Những vấn đề của trẻ mắc rối loạn phổ tự kỷ và mối quan hệ của chúng với stress ở cha mẹ	Nguyễn Thị Mai Hương - Phan Thị Mai Hương	7 - 20	84
55	TÓM TẮT BÀI (TIẾNG ANH)		7 - 20	98
56	Quan niệm về người con tốt và cha mẹ tốt	Lê Văn Hào	8 - 20	3
57	Sự tự tin và mối quan hệ của nó với tâm thế thực hiện đổi mới giáo dục ở giáo viên phổ thông	Phan Thị Mai Hương - Đặng Thị Thu Trang - Trương Đình Thăng - Trần Hải Ngọc	8 - 20	18
58	Cảm xúc tại trường học của học sinh trung học cơ sở	Đỗ Thị Lệ Hằng - Lê Thị Linh Trang - Đình Thị Hồng Vân	8 - 20	31
59	Thích ứng với biến đổi khí hậu của người nông dân vùng đồng bằng sông Cửu Long	Huỳnh Văn Chấn	8 - 20	42

60	Giá trị môi trường của người dân vùng Tây Nam Bộ	Đỗ Thị Lệ Hằng - Phan Thị Mai Hương	8 - 20	52
61	Các mô hình ra quyết định trong đánh giá yêu cầu chuyển giới	Nguyễn Cao Minh - Vũ Phương Nhi	8 - 20	65
62	Ứng xử của bố, mẹ và ảnh hưởng của nó tới mối quan hệ lãng mạn của học sinh trung học phổ thông	Phạm Minh Thu	8 - 20	76
63	Đặc điểm mối quan hệ với bạn thân khác giới của học sinh trung học phổ thông	Lê Thị Ngọc Thúy	8 - 20	87
64	TÓM TẮT BÀI (TIẾNG ANH)		8 - 20	98
65	Phát triển thang đo Tâm thế của giáo viên phổ thông với đổi mới giáo dục	Phan Thị Mai Hương - Đặng Thị Thu Trang - Trương Đình Thăng - Trần Hải Ngọc	9 - 20	3
66	Sự hài lòng với các yếu tố của hoạt động học tập tại Trường Đại học Luật Hà Nội của sinh viên	Chu Văn Đức	9 - 20	23
67	Tự đánh giá về năng lực lãnh đạo, quản lý của cán bộ quản lý cấp phòng tại thành phố Hồ Chí Minh	Bùi Hồng Quân - Lê Thị Linh Trang	9 - 20	38
68	Bước đầu tìm hiểu về việc đọc của người Việt	Bùi Văn Trường - Mai Thị Việt Thắng	9 - 20	56
69	Ảnh hưởng của cái Tôi hiệu quả đến cảm nhận hạnh phúc của thanh niên	Nguyễn Tuấn Anh - Mai Thị Huệ - Lê Thị Cúc	9 - 20	68
70	Bạo lực tinh thần trong các gia đình viên chức - nghiên cứu trường hợp tại một số đơn vị sự nghiệp công lập tại Hà Nội	Hà Thị Thúy	9 - 20	82
71	TÓM TẮT BÀI (TIẾNG ANH)		9 - 20	98
72	Mối quan hệ anh chị em ruột trong hoạt động kinh tế và các yếu tố tác động	Nguyễn Hữu Minh - Nguyễn Thị Hồng Hạnh	10 - 20	3

73	Năng lực giải quyết vấn đề trong quan hệ liên cá nhân của học sinh lớp bốn	Nguyễn Công Khanh - Trần Thị Hà	10 - 20	16
74	Lòng biết ơn và sự an lạc của trẻ vị thành niên - góc nhìn từ tâm lý học tích cực	Nguyễn Phước Cát Tường - Trần Thị Tú Anh - Đinh Thị Hồng Vân - Nguyễn Tuấn Vĩnh - Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh - Nguyễn Thị Quỳnh Anh	10 - 20	26
75	Ứng phó với tình trạng hiếm muộn của người hiếm muộn	Đặng Hoàng Ngân - Trương Quang Lâm - Lương Bích Thủy	10 - 20	43
76	Mối tương quan giữa căng thẳng trong học tập và mức độ lo âu, trầm cảm, stress của sinh viên Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	Hoàng Thị Quỳnh Lan	10 - 20	62
77	Tổng quan một số nghiên cứu về định hướng giá trị gia đình của người nhập cư	Mai Văn Hải - Nguyễn Thị Hoa - Lê Thị Thu Hiền	10 - 20	72
78	Một số yếu tố tâm lý ảnh hưởng đến chất lượng sinh hoạt chi bộ thôn/khu trên địa bàn huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh	Đào Xuân Thắng	10 - 20	84
79	TÓM TẮT BÀI (TIẾNG ANH)		10 - 20	98
80	Nói tục, chửi tục ở sinh viên	Lê Văn Hào	11 - 20	3
81	Tương quan giữa động cơ học tập và điều kiện học tập của sinh viên Trường Đại học Thăng Long	Lưu Song Hà - Trần Hoàng Thị Diễm Ngọc	11 - 20	19
82	Cách ứng phó của người nhà bệnh nhân ung thư với một số loại cảm xúc âm tính	Nguyễn Xuân Long - Đào Thị Diệu Linh - Tạ Nhật Ánh - Nguyễn Thị Thắng - Nguyễn Việt Hùng - Nguyễn Thị Mai Lan - Vũ Thu Trang - Nguyễn Hiệp Thương - Nguyễn Văn Hiếu	11 - 20	36

83	Tổng quan tình hình nghiên cứu về người nhập cư làm việc trong khu vực phi chính thức gắn với không gian công cộng đô thị ở Việt Nam	Lương Thùy Dương - Nguyễn Tuấn Minh	11 - 20	51
84	Áp lực có con và căng thẳng trong đời sống tình dục của các cặp vợ chồng hiếm muộn	Trần Hà Thu - Trương Quang Lâm - Nguyễn Hạnh Liên	11 - 20	68
85	Quản lý chất lượng dịch vụ giáo dục của hiệu trưởng trường tiểu học để thu hẹp 5 khoảng cách chất lượng hướng tới sự hài lòng của cha mẹ học sinh	Lê Vũ Hà	11 - 20	84
86	TÓM TẮT BÀI (TIẾNG ANH)		11 - 20	98
87	Hình thành khái niệm hạnh phúc tại nơi làm việc	Phan Thị Mai Hương - Lã Thị Thu Thủy - Nguyễn Hữu Minh	12 - 20	3
88	Tổng quan các nghiên cứu về thể hiện cảm xúc trên facebook của thanh thiếu niên	Phạm Minh Thu - Nguyễn Thị Phương Hoa	12 - 20	18
89	Những phác họa ban đầu về hình ảnh người giáo viên tốt qua góc nhìn của học sinh trung học phổ thông	Lâm Thanh Bình	12 - 20	28
90	Tác động của tương đồng vợ chồng về quan điểm sống đến hạnh phúc hôn nhân: Vai trò trung gian của sự thân mật vợ chồng	Đặng Thị Thu Trang - Phan Thị Mai Hương	12 - 20	44
91	Thử nghiệm thang đo Từ chối học đường trên mẫu học sinh trung học cơ sở ở Việt Nam	Cao Phương Thao - Đỗ Thị Lệ Hằng	12 - 20	57
92	Kỹ năng giải quyết tình huống sư phạm của sinh viên Khoa Giáo dục mầm non, Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An	Nguyễn Thị Kim Chung	12 - 20	73
93	Trầm cảm lo âu ở người mắc bệnh ung thư	Hoàng Nhật	12 - 20	86
94	TÓM TẮT BÀI (TIẾNG ANH)		12 - 20	98